TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Ông Trịnh Hoàng Giang

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm T.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Thị Xi N - sinh năm: 1988. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

□ịa chỉ: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

-*Bị đơn*: Anh Danh Đ - sinh năm: 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Thị Xi N trình bày:

Chị và anh D Đà tự tìm hiểu nhau khoảng gần 06 tháng, sau đó gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2006. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng hạnh phúc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, không phù hợp tính ý, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm

chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Danh Nhật Bảo K - sinh ngày: 15/12/2006 và Danh Thùy Yến T1 - sinh ngày: 24/7/2015, hiện cháu K và cháu T1 đang chung sống với chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu T1, không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Danh Đ đã được tống đạt văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N cương quyết yêu cầu ly hôn, anh Đ không có ý kiến và không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Thị Xi N được ly hôn với anh Danh Đ.

Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 con chung tên Danh Nhật Bảo K - sinh ngày: 15/12/2006 và Danh Thùy Yến T1 - sinh ngày: 24/7/2015, hiện cháu K và cháu T1 đang chung sống với chị N. Xét thấy hiện cháu K và cháu T1 đang chung sống ổn định với chị N, các cháu đều đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện muốn tiếp tục chung sống với chị N, chị N đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con, anh Đ không có ý kiến về nuôi con chung. Do đó yêu cầu của chị N về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu T1 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: do đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí, buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thị Xi N khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Danh Đ. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Thị Xi N và anh D Đà cưới nhau vào năm 2006, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*.....". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Thị Xi N được ly hôn với anh Danh Đ.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị N và giấy khai sinh có cơ sở xác định, chị N và anh Đ có 02 con chung tên Danh Nhật Bảo K - sinh ngày: 15/12/2006 và Danh Thùy Yến T1 - sinh ngày: 24/7/2015, hiện cháu K và cháu T1 đang chung sống với chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu T1, không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện cháu K và cháu T1 đang chung sống ổn định với chị N, các cháu đều đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện muốn tiếp tục chung sống với chị N, chị N đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con, anh Đ không có ý kiến về nuôi con chung. Do đó yêu cầu của chị N về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu T1 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005874 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1**.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Xi N được ly hôn với anh Danh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Nhật Bảo K - sinh ngày: 15/12/2006 và Danh Thùy Yến T1 - sinh ngày: 24/7/2015 cho chị Thị Xi N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005874 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị N và anh Đ biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An